

# **NỘI QUY CẢNG BIỂN THUỘC ĐỊA PHẬN TỈNH NGHỆ AN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1056 /QĐ-CVHHNA*

*Ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nghệ An)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Cảng biển”) trên cơ sở quy định của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (Nghị định số 58/2017/NĐ-CP).

2. Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là “vùng nước Cảng biển”) là phạm vi vùng nước được quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BGTVT ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (Thông tư số 26/2016/TT-BGTVT) bao gồm:

- a) Vùng nước cảng biển Nghệ An tại khu vực Đông Hồi;
- b) Vùng nước cảng biển Nghệ An tại khu vực Cửa Lò - Bến Thủy.

3. Cầu cảng, bến phao, vùng đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, khu neo đậu, chuyển tải và khu tránh bão trong vùng nước Cảng biển được quy định tại Quyết định số 2023/QĐ-CHHVN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Cục Hàng hải Việt Nam công bố ranh giới khu nước, vùng nước và vùng nước trước cầu cảng thuộc cảng biển Nghệ An (Quyết định số 2023/QĐ-CHHVN).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng:**

Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động hàng hải, đầu tư xây dựng, khai thác cảng biển, luồng hàng hải và dịch vụ hàng hải tại cảng biển Nghệ An và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An.

#### **Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển**

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển Nghệ An là Cảng vụ Hàng hải Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Cảng vụ”) có trụ sở và các Đại diện, Trạm như sau:

1. Trụ sở Cảng vụ:

Địa chỉ: đường Hồ Quý Ly, khối 13, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3855322

Fax: 0238.3855527

E-mail: cangvu.nan@vinamarine.gov.vn

2. Đại diện Cửa Lò:

Địa chỉ: đường Bình Minh, Khối 1, phường Nghi Thủy, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.3952245

Fax: 0238.3952246

3. Trạm Nghi Thiết:

Địa chỉ : xóm Mới, xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## **Chương II** **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1**

## **THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN, RỜI CẢNG BIỂN**

### **Điều 4. Yêu cầu chung đối với hoạt động tàu thuyền**

1. Tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến vùng nước cảng biển phải có chiều dài, trọng tải, mớn nước, độ cao tĩnh không và các thông số kỹ thuật liên quan khác phù hợp với điều kiện cho phép của luồng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu đã được cơ quan có thẩm quyền công bố. Các trường hợp khác do Giám đốc Cảng vụ xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **Điều 5. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến và rời cảng biển.**

1. Việc thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 88 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Tàu thuyền trước khi vào, rời cảng trong vùng nước cảng biển, người làm thủ tục phải thông báo cho Cảng vụ để lập kế hoạch và hướng dẫn thực hiện các quy định bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB chỉ hành trình ngang qua vùng nước cảng biển mà không dừng lại, chậm nhất 30 phút trước khi đi vào ranh giới vùng nước cảng biển phải thông báo bằng VHF hoặc bằng các phương tiện thông tin thích hợp khác cho Cảng vụ biết về chiều dài, mớn nước hiện tại, trọng tải toàn phần, hàng nguy hiểm (nếu có) và dự kiến hành trình của tàu trong thời gian đi qua.

## **Điều 6. Giải quyết thủ tục, địa điểm, thời hạn, hồ sơ giấy tờ làm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển**

1. Thủ tục cho tàu thuyền được thực hiện trực tiếp tại địa điểm làm thủ tục hoặc bằng phương thức điện tử. Thủ tục điện tử đối với tàu thuyền thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Việc giải quyết thủ tục tàu thuyền vào và rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 72, 73, 74, 75, 76, 77, 80, 81, 89, 90, 94, 95, 96 và 97 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

3. Địa điểm làm thủ tục:

a) Khu vực bên cảng Cửa Lò, bến phao chuyên dùng Nghi Hương và khu neo đậu, chuyển tải Hòn Ngự : thực hiện thủ tục tại Văn phòng Đại diện Cửa Lò.

b) Khu vực bến cảng Bến Thủy, bến cảng Xăng dầu Hưng Hòa và các bến cảng thuộc vùng nước cảng biển trên sông Lam: thực hiện thủ tục tại Trụ sở Cảng vụ.

c) Tàu thuyền vào, rời hoạt động tại các khu vực khác thuộc trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nghệ An thực hiện thủ tục tại Trụ sở Cảng vụ.

4. Thời hạn và giấy tờ làm thủ tục: Thực hiện theo quy định tại Điều 89, 90, 94, 95, 96 và 97 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

5. Trường hợp làm thủ tục tại tàu: Theo quy định tại khoản 3 Điều 77 và Khoản 4 Điều 120 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

6. Thời gian làm thủ tục: Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển thường trực 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần tại địa điểm làm thủ tục để giải quyết thủ tục cho tàu thuyền.

7. Hình thức khai báo: Theo quy định tại Điều 81 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

## **Mục 2**

### **THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN**

#### **Điều 7. Sử dụng phương tiện thông tin liên lạc**

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài có thể liên lạc với Cảng vụ trực tiếp bằng VHF hoặc qua điện thoại, fax, e-mail quy định tại Điều 3 của Nội quy này.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a. Kênh trực canh: 16;

b. Kênh làm việc: 09.

3. Nếu thấy cần thiết, tàu thuyền có thể liên lạc với Cảng vụ qua Đài thông tin duyên hải.

4. Khi sử dụng VHF, tên của tàu thuyền hoặc của tổ chức, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và

trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

5. Tàu thuyền đang hoạt động trong vùng nước cảng biển phải duy trì liên lạc với Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các thiết bị thông tin liên lạc khác và duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động (AIS) theo quy định.

6. Tất cả tàu thuyền, tổ chức và cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ trên kênh 16, 09 VHF. Cấm tàu thuyền sử dụng kênh 16, 09 VHF vào mục đích riêng.

### **Điều 8. Xác báo thông tin về điều động tàu thuyền**

1. Ngay sau khi hoàn thành việc điều động tàu cập cầu, cập mạn, buộc phao hay thả neo tại khu neo đậu theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết tên tàu, thời gian chính xác kết thúc điều động tàu và vị trí hiện tại.

2. Ngay trước thời điểm điều động tàu rời cầu cảng, bên phao, vị trí neo theo kế hoạch đã được chấp thuận, thuyền trưởng phải xác báo cho Cảng vụ biết thời gian chính xác bắt đầu điều động tàu.

3. Thuyền trưởng tàu thuyền có hoa tiêu có thể ủy quyền cho hoa tiêu dẫn tàu thực hiện các yêu cầu tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

## **Mục 3**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN**

#### **Điều 9. Điều động tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ được thể hiện dưới các hình thức sau:

- a) Lệnh điều động;
- b) Giấy phép rời cảng;
- c) Giấy phép chạy thử tàu ;
- d) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại trong các trường hợp khẩn cấp;
- đ) Kế hoạch điều động tàu.

2. Tàu thuyền vào, rời cảng, neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn, buộc phao hoặc tiến hành các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển và luồng hàng hải phải chấp hành và thực hiện chính xác, kịp thời Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ.

3. Trường hợp không thể thực hiện được Lệnh điều động, thuyền trưởng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho Cảng vụ và giải thích lý do.

## **Điều 10. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển**

1. Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển ngoài việc chấp hành Quy tắc Quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển (Colregs 72) và các quy định có liên quan của pháp luật, còn phải thực hiện các quy định sau:

a) Chấp hành đầy đủ các quy định về tốc độ hành trình trên luồng, dấu hiệu cảnh báo, chế độ cảnh giới và các quy định khác; Chủ động di chuyển với tốc độ an toàn khi đi qua các khu vực đang có hoạt động ngầm dưới nước, hoạt động nạo vét luồng, thả phao tiêu, trục vớt, cứu hộ, hoạt động nghề cá hoặc đi qua khu vực có các tàu thuyền khác đang neo đậu, điều động tại khu vực đó;

b) Không được điều động tàu thuyền đi qua các khu vực có cầu, đường dây vắt ngang qua luồng mà độ cao của tàu thuyền vượt quá độ cao tĩnh không cho phép. Việc hành trình của tàu thuyền trên luồng hẹp được thực hiện đúng quy định của Giám đốc Cảng vụ, **máy neo** và các thiết bị tương tự khác của tàu thuyền luôn trong trạng thái sẵn sàng để có thể thực hiện nhanh chóng các mệnh lệnh của thuyền trưởng;

c) Không được tự ý neo đậu hoặc dừng lại trên luồng, nơi có đường ống, công trình ngầm dưới nước, phía dưới đường dây điện cao thế, cầu qua sông, gôn báo hiệu hàng hải hay các khu vực hạn chế khác, trừ trường hợp tàu thuyền bị tai nạn sự cố. Trong trường hợp này, thuyền trưởng phải áp dụng mọi biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo an toàn cho tàu thuyền mình và các tàu thuyền khác, đồng thời nhanh chóng áp dụng biện pháp phù hợp để đưa tàu thuyền đến vị trí neo đậu an toàn theo quy định.

2. Tàu thuyền đi cắt ngang luồng có trách nhiệm nhường đường cho các tàu thuyền khác hoạt động trên luồng.

3. Tất cả các tàu thuyền phải hành trình với tốc độ an toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và điều kiện tầm nhìn xa. Trừ trường hợp phải tránh nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật của tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền phải hành trình với tốc độ và khoảng cách theo giới hạn sau đây:

a) Luồng Cửa Lò:

- Từ phao số P0 đến cặp phao số P1-P2:           tốc độ không quá 08 hải lý/giờ;
- Từ cặp phao số P1-P2 trở vào:                   tốc độ không quá 06 hải lý/giờ.

b) Luồng Cửa Hội - Bến Thủy:

- Từ phao số P0 đến ngang bến cảng Xuân Hải: tốc độ không quá 06 hải lý/giờ;
- Từ ngang bến cảng Xuân Hải đến bến cảng Bến Thủy: tốc độ không quá 05 hải lý/giờ.

c) Khoảng cách tối thiểu giữa hai tàu hành trình cùng chiều trên luồng Cửa Lò, luồng Cửa Hội - Bến Thủy là 0,5 hải lý.

4. Việc hạn chế tốc độ, khoảng cách quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các tàu công vụ, tàu cứu hỏa, tàu cứu nạn đang làm nhiệm vụ, tàu cánh ngầm và các tàu thuyền cao tốc khác có thiết bị chống tạo sóng.

## **Điều 11. Quy định đối với tàu thuyền khi cập cầu, cập mạn**

1. Tàu thuyền cập mạn theo quy định tại Điều 68, Điều 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các tàu thuyền có tổng dung tích từ 1.000GT trở lên được cập hàng hai; các loại tàu thuyền khác được cập hàng ba nhưng không được cản trở hoạt động bình thường trong luồng hàng hải và vùng nước trước các cầu cảng;

b) Tàu thuyền có kích thước lớn hơn không được cập mạn với loại tàu thuyền có kích thước nhỏ hơn từ phía bên ngoài;

c) Giữa các loại tàu thuyền cập mạn nhau phải buộc dây đúng quy cách và bố trí quả đệm để chống va đập;

d) Tàu thuyền không cập mạn tại các bến phao, cầu cảng xăng dầu, trừ trường hợp cấp và nhận nhiên liệu hoặc chuyển tải dầu giữa hai tàu thuyền sau khi được Cảng vụ cho phép.

2. Tàu thuyền không được cập mạn trong các trường hợp khi điều kiện về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường không bảo đảm.

3. Chỉ tàu thuyền công vụ, các loại tàu thuyền cấp nước, cấp dầu, cấp thực phẩm, cấp trang thiết bị và vật phẩm dự trữ, tàu đón, trả hoa tiêu, tàu chữa cháy, tàu chuyên tải hành khách từ tàu khách hoặc các tàu thuyền dịch vụ tương tự được cập mạn tàu khách sau khi được Cảng vụ cho phép.

4. Đối với các cầu cảng, bến phao chịu tác động trực tiếp của thời tiết, khi điều kiện thời tiết xấu (gió trên cấp 5, sóng trên 2m) các tàu không được vào cập cầu, buộc phao, nếu tàu đang neo đậu trong cầu hoặc bến phao phải điều động ra neo tại vị trí được chỉ định theo Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ.

5. Đối với cầu cảng, bến phao không đủ điều kiện chiếu sáng theo quy định, tàu thuyền chỉ được phép cập, rời cảng vào ban ngày trong thời gian quy định cụ thể như sau:

a) Từ ngày 16/4 đến ngày 15/10: hoạt động từ 05 giờ 00 đến 18 giờ 30;

b) Từ ngày 16/10 đến ngày 15/4: hoạt động từ 06 giờ 00 đến 17 giờ 30;

c) Ngoài quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, căn cứ điều kiện thực tế Giám đốc Cảng vụ quyết định cho phép tàu thuyền cập, rời cảng, bến phao đối với từng trường hợp cụ thể.

## **Điều 12. Trục ca khi tàu thuyền hoạt động tại cảng**

Tàu thuyền hoạt động tại cảng biển phải bố trí trục ca theo quy định tại Điều 69 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khi neo đậu trong vùng nước cảng biển, trên tàu luôn duy trì ít nhất 2/3 số lượng thuyền viên của tàu thuyền với các chức danh phù hợp, trong đó phải có thuyền

trưởng hoặc đại phó và máy trưởng hoặc máy hai để điều động tàu thuyền hoặc xử lý trong các trường hợp khẩn cấp và cần thiết khác.

2. Trường hợp có bão, tàu thuyền phải nhanh chóng di chuyển đến khu tránh bão theo Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ.

### **Điều 13. Thủ tục cho tàu thuyền đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử**

1. Thủ tục cho tàu thuyền đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử thực hiện theo quy định tại Điều 98 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Địa điểm làm thủ tục: Trụ sở Cảng vụ.

3. Trường hợp tàu thuyền chạy thử từ vùng nước cảng biển này tới vùng nước cảng khác thì Giấy phép chạy thử được thay thế bằng Giấy phép rời cảng.

### **Điều 14. Quy định tàu thuyền neo đậu, neo chờ**

1. Tàu thuyền neo đậu thực hiện theo quy định tại Điều 65 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Tàu thuyền neo chờ thực hiện theo quy định tại Điều 66 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Trong trường hợp tàu thuyền neo chờ không làm hàng hoặc đón trả hành khách, không hoạt động dịch vụ từ 30 ngày trở lên phải lập phương án cho tàu thuyền neo chờ gửi Cảng vụ phê duyệt.

## **Mục 4**

### **HOA TIÊU HÀNG HẢI**

#### **Điều 15. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải**

1. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Mục 6 Chương IV của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, hoa tiêu khi dẫn tàu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ biết những nội dung sau:

a) Ngay trước khi tiến hành điều động dẫn tàu, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo cho Cảng vụ qua VHF hoặc điện thoại và chỉ tiến hành điều động khi Cảng vụ chấp thuận;

b) Sau khi tàu neo đậu tại vị trí được chỉ định, hoa tiêu có trách nhiệm thông báo chính xác cho Cảng vụ vị trí của tàu và chỉ được phép rời tàu sau khi Cảng vụ chấp thuận vị trí neo đậu hiện tại của tàu;

c) Khi dẫn tàu đến vị trí trả hoa tiêu, trước khi rời tàu hoa tiêu có trách nhiệm báo cáo cho Cảng vụ biết việc kết thúc dẫn tàu;

d) Trong khi dẫn tàu, nếu hoa tiêu phát hiện thấy tai nạn, sự cố hàng hải, sự thay đổi tình trạng của báo hiệu hàng hải, điều kiện an toàn trên luồng hàng hải và

những sự việc khác không bảo đảm an toàn theo quy định phải thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF hoặc điện thoại;

đ) Trong trường hợp tàu Hoa tiêu đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay qua VHF hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác cho Cảng vụ; chậm nhất 24 giờ kể từ thời điểm rời tàu, phải báo cáo bằng văn bản có xác nhận của tổ chức hoa tiêu về sự việc xảy ra cho Cảng vụ. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu dẫn tàu, diễn biến và các biện pháp khắc phục hậu quả đã tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có);

e) Khuyến cáo thuyền trưởng thực hiện đúng quy định pháp luật về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường; trường hợp thuyền trưởng không thực hiện theo khuyến cáo, phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ và tổ chức hoa tiêu biết.

### **Điều 16. Thông báo và xác báo kế hoạch dẫn tàu**

1. Chậm nhất trước 16.00 giờ hàng ngày, tổ chức hoa tiêu phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ biết dự kiến kế hoạch dẫn tàu của ngày kế tiếp (nếu có). Nội dung kế hoạch gồm tên tàu, quốc tịch, kỹ thuật cơ bản của tàu, vị trí tàu neo đậu, thời gian hoa tiêu lên tàu, cầu cảng hoặc vị trí dự kiến neo đậu, tên và hạng của hoa tiêu dẫn tàu. Cảng vụ chấp thuận và gửi kế hoạch điều động tàu cho tổ chức hoa tiêu trước 17 giờ hàng ngày.

2. Chậm nhất trước 08.00 giờ hàng ngày, tổ chức hoa tiêu hàng hải phải xác báo bằng văn bản về kế hoạch dẫn tàu quy định tại khoản 1 Điều này nếu có thay đổi.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, trường hợp có yêu cầu cung cấp hoa tiêu đột xuất hoặc có thay đổi so với kế hoạch dự kiến thì tổ chức hoa tiêu phải xác báo kịp thời cho Cảng vụ biết.

### **Điều 17. Yêu cầu đối với tàu đón trả hoa tiêu**

1. Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất có thể, giữ liên lạc với hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Cầu thang hoa tiêu phải được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí các thiết bị cứu sinh theo quy định.

2. Hoa tiêu hàng hải phải lên và rời tàu thuyền đúng vị trí đón trả hoa tiêu đã được quy định. Trong trường hợp khi điều kiện thời tiết không đảm bảo để hoa tiêu lên và rời tàu thuyền an toàn tại vị trí đón trả hoa tiêu, hoa tiêu có thể thỏa thuận với thuyền trưởng một vị trí đón trả khác, nhưng phải bảo đảm an toàn cho tàu thuyền đó, không gây cản trở cho hoạt động hàng hải và phải được sự chấp thuận của Cảng vụ.

### **Điều 18. Trách nhiệm của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu**



Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại khoản 2, Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất là 30 phút trước khi điều động, thuyền trưởng phải thông báo cho Cảng vụ biết về việc tự dẫn tàu.

### **Điều 19. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng với tàu lai và doanh nghiệp cảng**

Trước khi điều động tàu vào, rời cầu cảng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai, doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai, cầu cảng hoặc bến phao. Trong trường hợp tàu lai, cầu cảng hoặc bến phao chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Cảng vụ biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

## **Mục 5**

### **SỬ DỤNG TÀU LAI HỖ TRỢ TẠI CẢNG BIỂN**

#### **Điều 20. Yêu cầu về cung cấp tàu lai.**

1. Tàu đã được đăng ký, có đầy đủ giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực và tình trạng kỹ thuật bảo đảm an toàn theo quy định.
2. Định biên thuyền bộ đầy đủ và được bố trí theo quy định.
3. Chủ tàu lai đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu biển theo quy định tại Chương IV Nghị định số 160/2016/NĐ-CP của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển.

#### **Điều 21. Trách nhiệm của chủ tàu, thuyền trưởng tàu lai và thuyền trưởng tàu được lai dắt.**

1. Chậm nhất trước 16 giờ 00 hàng ngày, chủ tàu lai phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ kế hoạch dự kiến tàu lai hỗ trợ của ngày kế tiếp (nếu có). Nội dung kế hoạch gồm tên tàu lai, công suất, thời gian bắt đầu lai dắt hỗ trợ và tên tàu được lai dắt.
2. Chậm nhất trước 08.00 giờ hàng ngày, chủ tàu lai phải xác báo bằng văn bản về kế hoạch tàu lai hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này nếu có thay đổi.
3. Khi thực hiện việc lai dắt hỗ trợ tàu thuyền vào, rời cầu cảng, quay trở hoặc di chuyển vị trí neo đậu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng tàu lai phải sẵn sàng đáp ứng theo yêu cầu của thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai hỗ trợ.
4. Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu được lai dắt hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ về việc tàu lai chậm trễ, không đủ số lượng hoặc công suất tàu lai theo quy định.

#### **Điều 22. Sử dụng tàu lai**

Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao, cập mạn tàu thuyền khác, di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng,

quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bên phao phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định dưới đây:

1. Đối với bến cảng chuyên dùng Vissai và bến cảng xăng dầu ĐKC

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 100 m phải có một tàu lai hỗ trợ với công suất máy chính tối thiểu là 1.200 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100m đến 140 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu là 2.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.200 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140m đến 160 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ với tổng công suất máy chính tối thiểu là 3.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 160m đến 180 m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 6.800 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP và 01(một) tàu lai công suất tối thiểu là 3.200 HP;

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 180 m đến 200m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 9.800 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.600HP và 01(một) tàu lai công suất tối thiểu là 4.500 HP;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200m đến 230m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 12.400 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 3.200 HP và 01(một) tàu lai công suất tối thiểu là 5.000 HP.

2. Đối với các cầu cảng, bến cảng khác

a) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m đến 100 m phải có một tàu lai hỗ trợ có công suất máy chính tối thiểu là 800 HP;

b) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 100 m đến 140 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 1.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 800 HP;

c) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 140 m đến 160 m phải có ít nhất hai tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 2.400 HP . Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 850 HP;

d) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 160 m đến 180 m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 5.000 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 1.600 HP;

đ) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 180 m đến 200m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 7.600 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là **2.400HP**;

e) Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ trên 200m đến 230m phải có ít nhất ba tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính tối thiểu là 10.000 HP. Trong đó tàu lai có công suất nhỏ nhất là 2.800 HP.

3. Ngoài quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, căn cứ điều kiện thực tế Giám đốc Cảng vụ quyết định số lượng và công suất tàu lai trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu thuyền chở hàng siêu trường, siêu trọng, tàu biển có hệ số béo và chiều cao mạn khô lớn (tỷ số chiều cao mạn khô/mớn nước lớn hơn 1);

b) Tàu thuyền có chân vịt ở phía mũi chuyên dụng cho cập, rời cầu và quay trở;

c) Các trường hợp cần thiết khác.

4. Thuyền trưởng của tàu thuyền có thể yêu cầu bổ sung số lượng tàu lai hoặc yêu cầu tàu lai có công suất lớn hơn khi cần thiết.

5. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 80 m, thuyền trưởng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ nếu thấy cần thiết.

## **Mục 6**

### **BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI, AN NINH HÀNG HẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CẢNG BIỂN**

**Điều 23. Bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại cảng biển**

Tàu thuyền khi hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường theo quy định tại Chương V của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

**Điều 24. Quy định về tìm kiếm, cứu nạn hàng hải**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về tìm kiếm, cứu nạn theo quy định tại Điều 107 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển ban hành kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có phương tiện hoạt động trên biển và trong vùng nước cảng biển:

a) Chấp hành lệnh của Giám đốc Cảng vụ khi huy động phương tiện của mình tham gia tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;

b) Phối hợp, thông tin và báo cáo đầy đủ theo nội dung yêu cầu của Cảng vụ hoặc cơ quan chủ trì tìm kiếm, cứu nạn để tiến hành và giải quyết vụ tìm kiếm, cứu nạn đối với người, phương tiện.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu giả như phao EPIRB, MF&HF, VHF... thuyền trưởng phải thông báo ngay cho Cảng vụ và kịp thời áp dụng biện pháp phù hợp để thông báo hủy bỏ các tín hiệu cấp cứu giả đã phát.

4. Việc cứu người bị nạn là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân, tàu thuyền và các phương tiện khác khi đang hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, nếu điều kiện thực tế cho phép và không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho người và tàu thuyền của mình phải bằng mọi cách tiến hành cứu giúp người gặp nạn.

### **Điều 25. Trách nhiệm cung cấp thông tin để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải**

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về cung cấp thông tin để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải theo quy định tại Điều 108 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng có trách nhiệm:

a) Tìm mọi cách bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và tiến hành ngay việc tìm kiếm cứu nạn theo quy định;

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ qua VHF trên kênh 16 hoặc các phương tiện thông tin liên lạc khác, đồng thời tiến hành ngay các biện pháp để giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra và hỗ trợ tàu bị nạn.

3. Thuyền trưởng, chủ tàu, người quản lý khai thác tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan tới tai nạn hàng hải có trách nhiệm báo cáo tai nạn hàng hải cho Cảng vụ nhanh chóng, chính xác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản, cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển**

1. Phương tiện thủy nội địa có chiều dài dưới 20m, các phương tiện thủy nội địa chèo tay và tàu cá hành trình trong vùng nước cảng biển không được làm ảnh hưởng đến hành trình của tàu thuyền trên luồng. Trong trường hợp phải cắt ngang luồng, các phương tiện này phải hành trình theo đường ngắn nhất với tốc độ bảo đảm an toàn.

2. Tàu du lịch, đò chở khách phải hành trình theo đúng tuyến quy định và nhường đường cho tàu biển hành trình trên luồng.

3. Hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ theo quy định có liên quan của pháp luật, trước khi tiến hành phải thông báo cho Cảng vụ biết.

4. Việc cấm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển phải được sự chấp thuận của Cảng vụ. Khi không sử dụng hoặc không được Cảng vụ, cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng, chủ đăng đáy hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản cố định khác phải tự dỡ bỏ, nhổ hết các cọc đã cấm và thanh thải chướng ngại vật do đăng, đáy hoặc các hoạt động đánh bắt nuôi trồng thủy sản cố định khác tạo ra.

### **Điều 27. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn và các hoạt động tương tự khác**

Việc tổ chức các hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, an ninh hàng hải và các hoạt động tương tự khác trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Điều 109 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định có liên quan khác của pháp luật.

### **Điều 28. Đồ rác, xả nước thải, nước dẫn tàu**

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về đồ rác, xả nước thải, nước dẫn tàu tại cảng biển theo quy định tại Điều 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện chế độ đồ rác, bơm xả nước bẩn, nước dẫn tàu theo quy định sau đây:

a) Rác thải sinh hoạt phải được phân loại theo quy định và đựng trong các dụng cụ chứa phù hợp để đơn vị thu gom rác tiến hành thu gom ngay sau khi tàu đến cảng, sau đó thực hiện tối thiểu 02 ngày một lần đối với tàu hàng, tối thiểu 01 ngày một lần đối với tàu khách;

b) Việc bơm xả nước bẩn chỉ được thực hiện khi có phương tiện tiếp nhận, việc bơm nước dẫn tàu phải thực hiện theo đúng quy định.

3. Doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu thuyền tại cảng phải bố trí phương tiện đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận rác thải, nước bẩn từ tàu thuyền và phải tuân thủ quy định về vệ sinh và bảo vệ môi trường.

### **Điều 29. Hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng lẫn cặn dầu từ tàu biển.**

1. Yêu cầu đối với Doanh nghiệp khai thác cảng biển và bến cảng:

a) Hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển phải được doanh nghiệp cảng biển bảo đảm thực hiện trong vòng 4 giờ kể từ khi Cảng vụ nhận được yêu cầu từ người làm thủ tục cho tàu thuyền;

b) Doanh nghiệp cảng biển tổng hợp, lập báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển theo quy định tại Mẫu số 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, gửi Cảng vụ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Doanh nghiệp khai thác Cảng biển bố trí phương tiện tiếp nhận để thực hiện thu gom chất thải từ tàu thuyền; vận chuyển, lưu giữ tạm thời và xử lý chất thải theo quy định tại Nghị Định số 38/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng lẫn cặn dầu từ tàu biển:

a) Các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng lẫn cặn dầu từ tàu biển phải được cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại theo quy định;

b) Đối với tổ chức, cá nhân có phương tiện tiếp nhận và hệ thống xử lý chất thải lỏng lẫn cặn dầu tại khu vực cảng sau mỗi lần thực hiện giao nhận, xử lý chất thải lỏng lẫn cặn dầu có trách nhiệm báo cáo kết quả giao nhận và xử lý tới Cảng vụ;

c) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia cung ứng dịch vụ thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại khu neo đậu, khu chuyển tải do Nhà nước quản lý gửi văn bản đăng ký tới Cảng vụ theo quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển.

3. Yêu cầu đối với tàu biển:

a) Tàu biển vào cảng biển phải khai báo về lượng chất thải lỏng lẫn cặn dầu hiện có trên tàu vào mục 16 của Bản khai chung theo Mẫu số 42 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, việc khai báo này được thực hiện đồng thời với quá trình làm thủ tục cho tàu thuyền vào cảng biển;

b) Tàu biển có yêu cầu về xử lý chất thải lỏng lẫn dầu phải khai báo với Cảng vụ tại mục 21 của Bản khai chung theo Mẫu số 42 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

c) Đơn vị tiếp nhận chất thải lỏng lẫn cặn dầu tại khu vực cảng biển, bên cảng nơi tàu đến phải gửi Kế hoạch tiếp nhận cho Cảng vụ theo Mẫu số 35, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP;

d) Nghiêm cấm việc chuyển giao chất thải lỏng lẫn cặn dầu từ tàu biển tới phương tiện tiếp nhận khi chưa được sự đồng ý của Cảng vụ.

### **Điều 30. Hoạt động xây dựng, thi công công trình trong vùng nước cảng biển**

1. Việc xây dựng, thi công các công trình trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan khác. Trước khi tiến hành xây dựng, thi công các công trình cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu neo đậu, chuyển tải, luồng hàng hải và các công trình khác chủ đầu tư phải:

a) Trình Cảng vụ xem xét, phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải được quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và văn bản đề nghị phê duyệt theo Mẫu số 02 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Trường hợp chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì phương án bảo đảm an toàn hàng hải phải được viết bằng ngôn ngữ là tiếng Việt;

Nội dung phương án bảo đảm an toàn hàng hải: thông tin chung về công trình, dự án đầu tư xây dựng gồm tên công trình, dự án; tên và địa chỉ của chủ đầu tư; vị trí thi công, xây dựng; quy mô xây dựng; thời gian thi công, xây dựng; biện pháp thi công được duyệt; biện pháp đảm bảo an toàn hàng hải; phương án tổ chức và phối hợp thực hiện; các nội dung cần thiết khác;

b) Công bố Thông báo hàng hải theo quy định và chỉ được phép tiến hành hoạt động thi công công trình khi được sự chấp thuận của Cảng vụ.

2. Trước khi tiến hành xây dựng công trình, chủ đầu tư gửi Cảng vụ bản sao Quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, bản sao Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và phương án đảm bảo an toàn hàng hải, thuyết minh dự án và bản vẽ thiết kế kỹ thuật để tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện xây dựng công trình của chủ đầu tư nhằm bảo đảm an toàn hàng hải tại khu vực.

Trường hợp chủ đầu tư và đơn vị thực hiện thi công, xây dựng công trình là tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh nhà thầu có yếu tố nước ngoài thì thuyết minh dự án, bản vẽ thiết kế kỹ thuật gửi cho Cảng vụ phải được viết bằng ngôn ngữ là tiếng Việt.

3. Các phương tiện trước khi tiến hành các hoạt động nạo vét, thi công công trình hàng hải hoặc các công trình khác trong vùng nước cảng biển phải có văn bản xin phép cho phương tiện hoạt động (theo mẫu số 35 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP) và được sự chấp thuận của Cảng vụ .

### **Điều 31. An ninh hàng hải**

Tàu thuyền và doanh nghiệp cảng phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định của **Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải**: áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật Quốc tế về An ninh tàu và bến cảng (ISPS Code) và các quy định có liên quan của pháp luật.

### **Điều 32. Quản lý cảng, bến thủy nội địa và cảng cá trong vùng nước cảng biển**

1. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức quản lý hoạt động đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa, cảng cá trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định 58/2017/NĐ-CP và các quy định có liên quan của pháp luật; trước khi trả lời chủ đầu tư về việc thỏa thuận cho phép đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa, cảng cá trong vùng nước cảng biển phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ.

2. Khi hoàn thành việc xây dựng công trình, yêu cầu chủ đầu tư gửi một bộ hồ sơ cho Cảng vụ theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Cảng vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với tàu thuyền và cảng, bến thủy nội địa, cảng cá trong vùng nước cảng biển.

4. Vì lý do bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường hoặc các lý do khẩn cấp khác, Giám đốc Cảng vụ phối hợp với các đơn vị liên quan quyết định tạm thời không cho phép tàu thuyền vào, rời cảng, bến thủy nội địa, cảng cá trong vùng nước cảng biển.

### **Điều 33. Trách nhiệm của đơn vị quản lý khai thác luồng, hệ thống phao tiêu báo hiệu và thiết bị trợ giúp hàng hải**

1. Định kỳ tiến hành đo đạc và gửi Cảng vụ Thông báo hàng hải kèm theo bình đồ về độ sâu luồng vào cảng, vùng quay trở tàu theo quy định tại Chương III của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP về quản lý báo hiệu hàng hải và thông báo hàng hải.

2. Phải tiến hành khảo sát và ra thông báo hàng hải ngay khi có sự thay đổi về độ sâu luồng tàu, hệ thống báo hiệu và thiết bị trợ giúp hàng hải hoặc khi đã khôi phục xong những sai lệch của hệ thống báo hiệu, thiết bị trợ giúp hàng hải.

3. Hệ thống phao tiêu, báo hiệu, thiết bị trợ giúp hàng hải phải được bảo đảm hoạt động tốt.

## **Mục 7**

## **PHÒNG CHỐNG CHÁY, NỔ VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 34. Phòng chống cháy, nổ**



Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, cá nhân liên quan khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc phòng, chống cháy, nổ theo quy định tại Điều 113, 114 và 115 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định khác có liên quan của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Tàu chở xăng dầu, khí hoá lỏng, chất nổ, hóa chất độc hại khi vào vùng nước cảng biển phải chuẩn bị các dụng cụ phòng, chống cháy nổ đặt tại các vị trí theo quy định để sẵn sàng sử dụng.

2. Doanh nghiệp cảng, cơ sở phá dỡ tàu cũ, doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa tàu thuyền phải có đủ các phương tiện, thiết bị phòng, chống cháy, nổ được lắp đặt, bố trí theo quy định, bảo đảm sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

3. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng cứu kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ theo quy định.

### **35. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

1. Tất cả các tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường theo các Điều 115, 116, 117, 118 và 119 của Nghị định 58/2017/NĐ - CP; Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc các tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện ngay việc ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường theo yêu cầu của Giám đốc Cảng vụ và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

## **Mục 8**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP CẢNG**

#### **Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng**

Doanh nghiệp cảng có trách nhiệm thực hiện quy định tại các Điều 22, 37, 67, 112, 113 và 117 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; Thông tư số 59/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng trong vùng nước cảng biển, các quy định liên quan của pháp luật và các quy định sau :

1. Bảo đảm tình trạng kỹ thuật cầu cảng, bến phao, kho, bãi, phương tiện, thiết bị, độ sâu vùng nước trước cầu cảng, bến phao và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng theo quy định; Tổ chức thực hiện việc khảo sát và đề nghị công bố thông báo hàng hải vùng nước trước cầu cảng, bến phao và vùng nước khác do mình quản lý sử dụng theo quy định. Tổ chức kiểm định tình trạng kỹ thuật của bến cảng, cầu cảng, bến phao nhằm bảo đảm an toàn trong khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Luôn duy trì tốt các điều kiện an toàn của cầu cảng bao gồm: Đệm chống va, cột bích, phao buộc tàu, đèn chiếu sáng...và các thiết bị phụ trợ khác.

3. Bảo đảm các điều kiện an ninh trật tự tại khu vực cầu cảng, bến phao nơi tàu neo đậu xếp dỡ hàng hóa hoặc đón trả hành khách theo Kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt.

4. Doanh nghiệp cảng phải có trách nhiệm gửi kế hoạch điều độ tàu vào, rời cầu, bến phao, dịch chuyển vị trí, hàng hóa xếp dỡ tại cảng cho Cảng vụ vào thời gian sau:

a) Trước 16.00 giờ hàng ngày, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ biết dự kiến kế hoạch điều độ tàu thuyền vào, rời cầu của ngày kế tiếp (nếu có). Nội dung kế hoạch gồm tên tàu, chiều dài, chiều rộng của tàu, cầu cảng tàu đến/rời, thời gian dự kiến, tên hàng hóa và số lượng bốc, xếp. Cảng vụ chấp thuận và gửi kế hoạch điều độ tàu cho doanh nghiệp cảng trước 17.00 giờ hàng ngày;

b) Chậm nhất 08.00 giờ hàng ngày, doanh nghiệp cảng phải xác báo bằng văn bản về kế hoạch điều độ tàu thuyền vào, rời cầu quy định tại Điểm a của Khoản này nếu có thay đổi.

5. Sau khi hoàn thành mọi thủ tục tàu đến cảng, doanh nghiệp cảng mới được tiến hành xếp dỡ hàng hóa tại tàu.

6. Trong thời gian điều độ tàu vào, rời cầu cảng và khi không thực hiện xếp dỡ hàng hóa, các cần cầu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần phải vươn ra ngoài do nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp cảng phải thông báo bằng văn bản và chỉ tiến hành khi được Cảng vụ chấp thuận. Đồng thời, phải áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định

## Mục 9

### ĐẠI LÝ TÀU BIỂN

#### **Điều 37. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển**

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển thực hiện theo quy định tại tại Chương X Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Chương III Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển và Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về chứng chỉ chuyên môn đại lý tàu biển.

#### **Điều 38. Trách nhiệm của Đại lý tàu biển**

1. Cung cấp thông tin, tài liệu và đề nghị thuyền trưởng nghiên cứu, chấp hành nghiêm chỉnh Nội quy cảng biển; các văn bản chỉ đạo, điều hành của Cảng vụ và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ và cơ quan chức năng để được cung cấp các thông tin liên quan về điều kiện hành hải, khí tượng, thủy văn, địa chất tại vùng nước cảng biển và các khuyến cáo về an toàn đối với thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu biển trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Khi bố trí mới, chuyển chuyên hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đại lý viên, doanh nghiệp chủ quản phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng.

5. Thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cảng vụ và các cơ quan chức năng.

### **Chương III** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 39. Trách nhiệm thực hiện**

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và Nội quy này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời để Cảng vụ biết để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **Điều 40. Tổ chức thực hiện**

Phòng Pháp chế, Thanh tra - An toàn, an ninh hàng hải, Tổ chức hành chính, Tài vụ, Đại diện Cửa Lò và Trạm Nghi Thiết chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Nội quy này.